

Bản án số: 01/2023/HNGĐ - PT
Ngày 04 tháng 01 năm 2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Y phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trường Sơn.

Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/12/2022 và ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLPT- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 35/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2022/QĐXXPT - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Anh L, sinh năm 1980.

Bị đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1983.

Đều có địa chỉ: Khu 6, xã R, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1959 và ông Lê Đức K, sinh năm 1955. Đều có địa chỉ: Khu 6, xã R, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngân hàng Hợp tác xã Việt nam - Chi nhánh Phú Thọ, Phòng giao dịch số 4

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có mặt, anh L, ông K, bà P vắng mặt, Ngân hàng có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Anh L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh với chị Đinh Thị H có tìm hiểu tự nguyện. Cưới có đăng ký kết hôn năm 2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hoà thuận T phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, là người chồng anh đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn vẫn trầm trọng không thể hàn gắn được dẫn tới vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục để trở về đoàn tụ được nữa vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đại Y, sinh ngày 18/7/2007 và cháu Lê Hồng Q, ngày 18/3/2010. Ly hôn anh L xin được trực tiếp nuôi D 02 con chung, anh L yêu cầu chị H cấp D nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh và chị Đinh Thị H không có tài sản chung.

Về công nợ: Anh có ký vào khế ước vay tiền tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch số 4 số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) năm 2016, nhưng số tiền này anh và gia đình không được sử dụng, chị H cầm và nói vay hộ em trai chị H. Anh yêu cầu chị H phải trả toàn bộ số tiền trên.

Về công sức đóng góp: Anh L và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông K, bà P đồng quan điểm với anh L thống nhất trình bày: Vợ chồng anh L không có công sức đóng góp gì trong tài sản chung của gia đình vì: Từ khi chị H về làm dâu ở cùng với bố mẹ anh L từ năm 2006 đến đầu năm 2020 chị H chỉ mua được 01 nồi cơm điện và 01 chảo dùng trong gia đình. Toàn bộ chi tiêu, trang trải sinh hoạt gia đình đều do bố mẹ anh lo. Chị H đã không đóng góp gì cho kinh tế gia đình còn tự ý vay nợ Ngân hàng và các cá nhân bên ngoài với số tiền lớn. Riêng khoản tiền nợ Ngân hàng anh có đứng ra bảo lãnh với số tiền vay hai lần là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), còn những khoản vay khác anh không biết, chỉ biết là chị H nói làm ăn bằng hình thức cho vay lãi để lấy chênh lệch. Năm 2018 chị H do bị kiện nợ cá nhân và bị Thi hành án thì gia đình bố mẹ anh phải nộp tiền thi hành án thay cho chị H với số tiền là 83.012.500đ do chị Lê Thị Hồng T nộp thay cho bố mẹ anh. Do chị H không có trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc con, mang nợ nần trong gia đình, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình anh nên anh đuổi chị H ra khỏi nhà từ đầu năm 2020 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Toàn bộ tài sản gồm nhà và đất hiện nay bố mẹ anh L là ông K và bà P đứng tên chủ sở hữu và sử dụng là của bố mẹ anh, vợ chồng anh không có tiền mua đất và làm nhà vì chị H vỡ nợ từ năm 2013. Chị H trình bày góp 18.000.000đ để mua đất nhà ông Đinh Văn D năm 2008 là không đúng mà toàn bộ số tiền mua đất là của bố mẹ anh, sau đó làm thủ tục đứng tên hai vợ chồng anh. Năm 2016, bố mẹ anh làm nhà trên mảnh đất đứng tên anh và chị H. Sau khi bố mẹ anh thực hiện thi hành án trả thay cho chị H số tiền 83.012.500đ xong, chị H, anh L tự nguyện làm thủ tục chuyển quyền sử dụng toàn bộ tài sản đó cho bố mẹ anh L là ông K, bà P. Do vậy, anh không đồng ý thanh toán công sức cho chị H.

Tại phiên toà anh L khai: Anh phục vụ trong quân đội, đóng quân tại Yên Bái, thu nhập bình quân 7.120.000đ/tháng. Do không tin tưởng nên anh không gửi tiền cho chị H nuôi con mà gửi về cho bố mẹ anh.

Bị đơn chị Đinh Thị H trình bày: Chị xác nhận lời khai của anh Lê Anh L về quan hệ, mâu thuẫn vợ chồng cũng đã xảy ra nhiều lần do không hợp nhau và thời gian vợ chồng sống ly thân là đúng. Chị cũng không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa nên chị đồng ý ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh L đã trình bày. Ly hôn chị xin nuôi con chung là cháu Lê Hồng Q, ngày 18/3/2010, anh L nuôi con trai lớn là cháu Lê Đại Y, sinh ngày 18/7/2007. Không ai phải cấp D nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về công nợ: Chị Đinh Thị H trình bày: Hiện tại vợ chồng còn nợ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch số 4 số tiền

50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) năm 2016. Số tiền này chị dùng trang trải nuôi thợ và trả tiền mua những đồ vật dụng nhỏ phục vụ trong thời gian làm nhà năm 2016. Hiện nay còn dư nợ gốc là 43.823.000đ, lãi 11.250.358đ. Quá trình hoà giải, chị H nhận trả số tiền 50.000.000đ cho Ngân hàng nhưng tại phiên toà, chị H yêu cầu anh L phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Ngân hàng.

Về công sức đóng góp: Chị H khẳng định chị có công sức đóng góp cùng bố mẹ anh L xây dựng kinh tế gia đình từ khi chị về làm dâu năm 2006 đến đầu năm 2020 chị mới rời khỏi nhà anh L, cụ thể: Năm 2006 gia đình mua đất của ông Đinh Văn D vợ chồng chị đóng góp 18.000.000đ, bố mẹ chồng 6.000.000đ, giá trị thửa đất tại thời điểm mua là 24.000.000đ. Năm 2008 H tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên vợ chồng chị. Năm 2016, khi làm nhà cả gia đình thống nhất làm nhà trên thửa đất mua của ông D đang đứng tên vợ chồng chị. Thu nhập theo lương năm 2006 (Lương Hợp đồng) là 1.200.000đ/1 tháng, thời điểm làm nhà lương còn hưởng thu hút là 7.000.000đ. Ngoài ra chị còn làm thêm để tăng thu nhập trang trải cuộc sống chung hàng ngày trong gia đình vì anh L không gửi tiền về cùng chị nuôi con. Năm 2016 gia đình làm nhà trên mảnh đất mua của ông Đinh Văn D, chị có công nuôi thợ và trả tiền mua những đồ vật dụng nhỏ phục vụ làm nhà. Đến năm 2018 vợ chồng chị làm thủ tục chuyển toàn bộ nhà quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng sang tên cho bố mẹ chồng là do năm 2018 chị có nghĩa vụ phải thi hành án bố mẹ chồng đã đứng ra trả nợ thay cho chị số tiền 83.000.000đ nên vợ chồng chị đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bố mẹ chồng là do gia đình anh L ép buộc sang tên nên bắt chị phải ký. Ly hôn, chị yêu cầu anh L và gia đình anh L thanh toán công sức cho chị từ khi về làm dâu năm 2006 đến năm 2020 số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- Ngân hàng Hợp tác Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, có quan điểm tại bản tự khai ngày 08/12/2020: Ngày 15/12/2016, anh L và chị H có ký Hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, Phòng giao dịch số 4 với số tiền 50.000.000đ hình thức vay vốn tín chấp lương của chị H. Mục đích vay vốn sửa chữa nhà ở. Tính đến ngày 08/7/2021 anh L chị H còn dư nợ gốc là 43.823.000đ, dư nợ lãi 11.250.358đ, tổng dư nợ gốc lãi là 55.073.358đ. Ngân hàng yêu cầu chị H phải trả toàn bộ dư nợ gốc lãi tính đến ngày 08/7/2021 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/7/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 35/2022/HNGĐ-ST ngày 16/9/2022 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Áp dụng Điều 55, Điều 60, khoản 1 Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Anh L và chị Đinh Thị H.

2. Về con chung: Giao anh Lê Anh L trực tiếp nuôi D con chung Lê Đại Y, sinh ngày 18/7/2007. Giao chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi D con chung cháu Lê Hồng Q, sinh ngày 18/3/2010 kể từ tháng 9/2022 cho đến khi các con Y niên, tự lực được. Anh L và chị H không phải cấp D nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ với con chung, không ai được ngăn cản.

Về công sức đóng góp: Buộc bà Đinh Thị P và ông Lê Đức K, anh Lê Anh L phải thanh toán tiền công sức cho chị Đinh Thị H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Về công nợ: Chị Đinh Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch số 4 số tiền gốc là 21.911.500đ (Hai mươi một triệu, chín trăm mười một nghìn, năm trăm đồng) tiền gốc + 5.625.179đ (Năm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng) tiền lãi tính đến ngày 08/7/2021 và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tính dụng kể từ ngày 09/7/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

Anh Lê Anh L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch số 4 số tiền gốc là 21.911.500đ (Hai mươi một triệu, chín trăm mười một nghìn, năm trăm đồng) tiền gốc + 5.625.179đ (Năm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng) tiền lãi tính đến ngày 08/7/2021 và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tính dụng kể từ ngày 09/7/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và các vấn đề khác theo luật định.

Kháng cáo: Ngày 18/9/2022 anh Lê Anh L có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí khoản nợ 25.000.000đ cho Ngân hàng, vì khoản vay này đã hết hạn năm 2020, anh chỉ là người ký bảo lãnh; Không đồng ý cùng bố mẹ anh thanh toán 200.000.000đ tiền công sức cho chị H.

Ngày 20/9/2022 bà Đinh Thị P kháng cáo, bà không nhất trí thanh toán khoản tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu cho chị H).

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh L cung cấp giấy biên nhận mua đất ngày 15/12/2008 đứng tên anh Lê Anh L - là chủ hộ mua đất với ông Đinh Văn D – là chủ hộ bán đất.

Bà Đinh Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Anh L. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 35/2022/HNGĐ-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đ- ọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét nội dung kháng cáo anh Lê Anh L và bà Đinh Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình tố tụng xác định anh L, chị H từ khi kết hôn năm 2006 anh L, chị H ở chung với gia đình chồng cho đến năm 2020 không có tài sản chung của vợ chồng. Tuy

nhiên xem xét về nguồn gốc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 67, diện tích 364,7m² (Trong đó: đất ở 50m², đất trồng cây lâu năm: 314,7m²). Xét về nguồn gốc thửa đất, trong thời kỳ hôn nhân vào năm 2008 anh L chị H cùng bố mẹ chồng là ông K, bà P mua của ông Đinh Văn D ở cùng khu thửa đất hiện nay có ngôi nhà gia đình đang ở với giá 24.000.000đ, trong đó vợ chồng anh chị có 18.000.000đ, của ông K, bà P có số tiền 6.000.000đ. Năm 2014 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên anh L, chị H. Tại bút lục 67 được thể hiện tại bản tự khai ngày 14/6/2021 của ông Đinh Văn D xác nhận, năm 2008 ông có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 364,7m² tại khu 6, xã R cho vợ chồng anh L, chị H, giá 24.000.000đ do anh L, chị H thanh toán. Tại Biên bản xác minh ngày 24/6/2021, UBND xã R cung cấp nguồn gốc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 67, diện tích 364,7m² tên chủ sử dụng ông Lê Đức K và bà Đinh Thị P có nguồn gốc từ bà Đinh Thị H và anh Lê Anh L chuyển nhượng vào năm 2017. Đồng thời, tại phiên toà phúc thẩm anh L cung cấp cho Toà án 01giấy biên nhận mua bán đất ngày 15/12/2008 giữa người mua là anh Lê Anh L và người bán đất là ông Đinh Văn D. Như vậy, về nguồn gốc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 67, diện tích 364,7m² có nguồn gốc phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và các lời khai của các đương sự là ông D là người chuyển nhượng đất, chị H, phù hợp với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông K, bà P do UBND huyện T cung cấp (BL 84 – 107).

Tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 3 được xây dựng năm 2016 trên diện tích nêu trên. Các đương sự đều xác nhận ngôi nhà được xây dựng năm 2016. Theo anh L, bà P thì toàn bộ tiền xây nhà là của bố mẹ anh, chị H không có công sức đóng góp gì. Chị H xác nhận chị kết hôn từ năm 2006 cho đến khi vợ chồng sống ly thân năm 2020. Quá trình chung sống vợ chồng có cùng gia đình nhà chồng mua đất và làm nhà. Mặc dù khi làm nhà chị không có tiền mặt đưa cho ông K, bà P nhưng chị đóng góp bằng công sức bằng việc làm cụ thể như nuôi thợ xây và những thanh toán chi phí nhỏ khác. Tại (BL 131) Biên bản định giá tài sản nhà xây năm 2016 đã trừ khấu hao còn 1.125.339.600đ, đất có diện tích là 364m² có giá trị là 776.811.000đ. Tổng tài sản là đất và nhà có trị giá là: 1.902.150.600đ (Một tỷ, chín trăm linh hai triệu, một trăm năm mươi nghìn, sáu trăm đồng). Mặc dù, anh L chị H đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất năm 2017, nhưng xét về nguồn gốc thửa đất để tính cho chị H công sức là phù hợp với giá trị tài sản và công sức chị H đã đóng góp với gia đình trong suốt những năm sống chung với gia đình chồng. Vì xác định H lấy chồng và chung sống cùng chung với gia đình chồng và các con. Anh L là chồng bộ đội công tác ở xa, thường xuyên không có ở nhà. Do vậy, việc chăm sóc bố mẹ và các con do chị H phải đảm đương, mặt khác anh L cũng thừa nhận việc không gửi tiền về cho chị H để hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con cái và chi phí trong gia đình, mà anh L gửi tiền về cho mẹ đẻ anh là bà P. Quá trình giải quyết tại Toà án cấp phúc thẩm chị H cung cấp cho Toà án Bảng thanh toán tiền lương của chị H năm 2016 là 7.601.380đ/tháng. Như vậy chị H có thu nhập ổn định, anh L không gửi tiền về cho chị, chị phải lo trang trải cuộc sống của gia đình và các con. Theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình quy định : “... Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi là lao động có thu nhập.”. Theo Điều 61 Luật Hôn nhân và gia đình: “... Nếu tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không xác định được thì vợ hoặc chồng được chia một phần trong khối tài sản chung của gia đình căn cứ vào công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung chung như vào đời sống chung của gia đình...”. Điều đó cũng được thể hiện

tại (BL 83) qua Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương: “.... chị H là người tu chí làm tại địa phương, trong quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn, sống hiếu thảo hoà thuận với bố mẹ chồng. Anh L là chồng chị H là bộ đội công tác xa nhà không thường xuyên có mặt tại gia đình...”. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã buộc ông K, bà P, anh L thanh toán tiền công sức đóng góp cho chị H 200.000.000đ là phù hợp.

[2]. Trong quá trình giải quyết xét xử tại cấp phúc thẩm Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch số 4 không có đơn kháng cáo và đề nghị Toà án tính lại phần lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2022). Do vậy, Toà án cấp phúc thẩm không xem xét. Đối với khoản tiền anh L, chị H phải trả cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch số 4 lẽ ra Toà án cấp sơ thẩm phải buộc anh L, chị H phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Đối với nội dung này không làm ảnh hưởng đến nội dung bản chất của vụ án, Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết các vụ việc.

[3]. Về án phí Hôn nhân và gia đình:

[3.1]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đối với ông Lê Đức K và bà Đinh Thị P là bố mẹ đẻ của anh L, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông K, bà P, anh L mỗi người phải chịu 3.334.000đ (Ba triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng) án dân sự sơ thẩm không đúng quy định. Bởi lẽ ông Lê Đức K, sinh năm 1955, bà Đinh Thị P, sinh năm 1962; ông K, bà P đều là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định. Quá trình giải quyết xét xử tại cấp phúc thẩm ông Lê Đức K và bà Đinh Thị P xuất trình đơn xin miễn án phí.

[3.2]. Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Lê Anh L không được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Kháng cáo của bà Đinh Thị P không được chấp nhận, tuy nhiên bà P là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định. H trả cho bà P 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2020/0006933 ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Anh L, bà Đinh Thị P. Sửa bản án sơ Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2022/HNGĐ-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng Điều 55, Điều 60, khoản 1 Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, 4 Điều 147, Điều 148, khoản 3 Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, b khoản 5, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Anh L và chị Đinh Thị H.

[2]. Về con chung: Giao anh Lê Anh L trực tiếp nuôi D con chung Lê Đại Y, sinh ngày 18/7/2007. Giao chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi D con chung cháu Lê Hồng Q, sinh ngày 18/3/2010 kể từ tháng 9/2022 cho đến khi các con thành niên, tự lực

được. Anh L và chị H không phải cấp D nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ với con chung, không ai được ngăn cản.

[3]. Về công sức đóng góp: Buộc bà Đinh Thị P và ông Lê Đức K, anh Lê Anh L phải thanh toán tiền công sức cho chị Đinh Thị H số tiền 200.000đ (Hai trăm triệu đồng).

[4]. Về công nợ: Chị Đinh Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch số 4 số tiền gốc là 21.911.500đ (Hai mươi một triệu, chín trăm mười một nghìn, năm trăm đồng) tiền gốc + 5.625.179đ (Năm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng) tiền lãi tính đến ngày 08/7/2021 và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tính dụng kể từ ngày 09/7/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

Anh Lê Anh L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch số 4 số tiền gốc là 21.911.500đ (Hai mươi một triệu, chín trăm mười một nghìn, năm trăm đồng) tiền gốc + 5.625.179đ (Năm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng) tiền lãi tính đến ngày 08/7/2021 và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tính dụng kể từ ngày 09/7/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình:

[5.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Anh L phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 3.334.000đ (Ba triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh Lê Anh L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003285 ngày 15/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chị Đinh Thị H phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 3.334.000đ (Ba triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị H phải chịu tổng cộng số tiền là: 3.409.000đ (Ba triệu, bốn trăm linh chín nghìn đồng). Chị Đinh Thị H được khấu trừ vào số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo biên lai số AA/2020/0003392 ngày 20/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. H trả cho chị Đinh Thị H số tiền : $5.000.000đ - 3.409.000đ = 1.591.000đ$ (Một triệu, năm trăm chín mươi một nghìn đồng).

Ông Lê Đức K và bà Đinh Thị P là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5.2]. Về án phí phúc thẩm: Anh Lê Anh L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Lê Anh L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0006934 ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh Lê Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm tổng cộng là: 3.709.000đ (Ba triệu, bảy trăm linh chín nghìn đồng). Anh L được đối trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Anh L còn phải thi hành án tiếp số tiền là: 3.109.000đ (Ba triệu, một trăm linh chín nghìn đồng).

Bà Đinh Thị P được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. H trả cho bà Đinh Thị P 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0006933 ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.T;
- CCTHADS H.T ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền